

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 720/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2026

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Đặng Văn Dũng.

- Bà Trần Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cừ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 596/2026/QĐXX - ST ngày 22 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 790 ngày 20/5/2026; giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Bích T**, sinh năm 1986. Có mặt.

HKTT và nơi cư trú: Số A, ngõ B phố C, phường T, Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Lê Thanh T1**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

HKTT: 194 Bà T, phường H, Hà Nội.

Nơi cư trú: P, chung cư I, phường B, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Thanh T1 vào ngày 18/4/2012, trước khi đăng ký kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N (nay là UBND phường B), Thành phố Hà Nội, đây là lần thứ nhất kết hôn.

Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống tại Hà Nội, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh T1 không chung thủy và chơi bời cờ bạc, chị đã khuyên bảo nhưng anh T1 không tiếp thu sửa chữa, dẫn đến vợ

chồng cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn càng tăng nhất vào tháng 11/2022 chị đã về nhà đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thanh H (nữ), sinh ngày 22/9/2012, cháu phát triển bình thường và hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H, về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung (Động sản + bất động sản): Chị T xác nhận vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị T xác nhận không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Bích T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh T1, Về con chung chị xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Thanh H và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và các khoản nợ chung chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Bích T đối với anh Lê Thanh T1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy báo, thông báo đến Tòa ghi lời khai, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, đã vi phạm khoản 16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBNTQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T về việc xin ly hôn với anh Lê Thanh T1; Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thanh H cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng; về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị T xác nhận không có nên không xét; chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Bích T có đơn ly hôn đối với anh Lê Thanh T1, nơi cư trú: P, chung cư I, phường B, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội là theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 3 đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lê Thanh T1, tuy nhiên sau khi nhận được giấy báo anh Lê Thanh T1 không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T và các buổi làm việc anh Lê Thanh T1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2026 bị đơn anh Lê Thanh T1 vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 28/5/2026. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Thanh T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích T kết hôn với anh Lê Thanh T1 vào ngày 18/4/2012, trước khi đăng ký kết hôn anh chị có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N (nay là UBND phường B), Thành phố Hà Nội, đây là lần thứ nhất kết hôn.

Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống tại, Hà Nội, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh T1 không chung Thủy và chơi bời cờ bạc, chị đã khuyên bảo nhưng anh T1 không tiếp thu sửa chữa, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 11/2022 chị đã về nhà đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Thanh T1 và chị Nguyễn Bích T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Nguyễn Bích T xin ly hôn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bích T, xử cho chị Nguyễn Bích T được ly hôn anh Lê Thanh T1 là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thanh H (nữ), sinh ngày 22/9/2012, cháu phát triển bình thường và hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. HĐXX xét sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ chăm nom,

chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Mặt khác cháu Lê Thanh H hiện nay đang học trung học cơ sở, cháu H từ nhỏ đến nay do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, bản thân anh T1 không quan tâm và không có nghĩa vụ gì với chị T trong việc nuôi dạy con chung, do vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu được tốt cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu, nên không xét.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Bích T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T. Cho chị Nguyễn Bích T được ly hôn anh Lê Thanh T1.

- Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Bích T và anh Lê Thanh T1 có 01 con chung là cháu Lê Thanh H (nữ), sinh ngày 22/9/2012. Giao chị Nguyễn Bích T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Thanh H; kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Bích T không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

Anh Lê Thanh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị Nguyễn Bích T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Bích T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số: 0001615 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Bích T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Bích T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Lê Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3;
- THADS TP Hà Nội;
- UBND phường Bạch Mai, Hà Nội (GCNKH số 37/2012 ngày 18/4/2012)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương